

## KHẢO SÁT CUỐN *TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM*

NGUYỄN HẢI LIÊN\*

**Abstract:** The Encyclopedia of Vietnamese Agriculture is a comprehensive compilation that synthesizes and systematizes knowledge across the agricultural sector. It aims to enhance the understanding of farmers, as well as to provide valuable knowledge for technical professionals and general readers. The findings of this extensive compilation offer essential information for anyone interested in the field of agriculture.

**Keywords:** *encyclopedia, agricultural encyclopedia, Vietnamese agriculture.*

### 1. Mở đầu

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, là nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp. Việc hệ thống hóa kiến thức trong lĩnh vực nông nghiệp cần thiết để hỗ trợ nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng thực tiễn. *Từ điển Bách khoa Nông nghiệp Việt Nam* (viết tắt là TĐBKNNVN) được Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) công bố ngày 07/10/2011, là công trình chào mừng 55 năm ngày thành lập Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. TĐBKNNVN do Giáo sư, Tiến sĩ Đường Hồng Dật chủ biên, là công trình khoa học, sản phẩm trí tuệ của các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, cán bộ giảng dạy của Học viện Nông nghiệp Việt Nam và sự cộng tác của các nhà khoa học thuộc các viện, trung tâm nghiên cứu.

### 2. Cấu trúc tổng thể *Từ điển Bách khoa nông nghiệp Việt Nam*

#### 2.1. Kết cấu chung

TĐBKNNVN gồm 1.398 trang với 7.389 mục từ và 16 trang ảnh. Nội dung bao gồm các lĩnh vực như: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ thực vật, cơ giới hóa nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp và chính sách phát triển nông thôn và được sắp xếp như sau:

(1) Danh sách tên người tham gia bao gồm: hội đồng chỉ đạo, hội đồng biên tập, ban biên soạn và các cộng tác viên;

(2) Lời cảm ơn;

(3) Lời nói đầu;

(4) Hướng dẫn sử dụng;

(5) Nội dung các mục từ;

(6) Bảng từ và mục lục.

#### 2.2. Cấu trúc bảng từ

Bảng mục từ được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái tiếng Việt: A, B, C, D, ... Ngoài các vần chữ cái tiếng Việt với đầy đủ Ă, Â, Ô, Ê, Ư, giúp cho người đọc dễ dàng tra cứu, ngoài ra còn sử dụng một số chữ cái Latin: F, W, Z và theo dấu thanh: không dấu, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng. Các mục từ được chọn lựa, giới thiệu các kiến thức cơ bản liên quan đến khoa học - công nghệ nông nghiệp phục vụ cho sự phát triển các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, thủy nông, kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn, cơ điện nông lâm nghiệp, bảo quản chế biến nông sản,...

---

\* Viện Ngôn ngữ học

Tổng cộng có 7.389 mục từ với số lượng và tỉ lệ cụ thể như trong bảng sau:

| STT         | Mục từ | Số lượng<br>(mục từ) | Tỉ lệ<br>(%) |  | STT | Mục từ | Số lượng<br>(mục từ) | Tỉ lệ<br>(%) |
|-------------|--------|----------------------|--------------|--|-----|--------|----------------------|--------------|
| 1.          | A      | 213                  | 2,88         |  | 15. | O      | 72                   | 0,97         |
| 2.          | B      | 735                  | 9,95         |  | 16. | Ô      | 48                   | 0,65         |
| 3.          | C      | 1.543                | 20,88        |  | 17. | P      | 246                  | 3,33         |
| 4.          | D      | 228                  | 3,09         |  | 18. | Q      | 87                   | 1,18         |
| 5.          | Đ      | 331                  | 4,48         |  | 19. | R      | 150                  | 2,03         |
| 6.          | E      | 24                   | 0,33         |  | 20. | S      | 330                  | 4,47         |
| 7.          | F      | 18                   | 0,24         |  | 21. | T      | 700                  | 9,47         |
| 8.          | G      | 337                  | 4,56         |  | 22. | U      | 29                   | 0,39         |
| 9.          | H      | 308                  | 4,17         |  | 23. | V      | 228                  | 3,09         |
| 10.         | I      | 35                   | 0,47         |  | 24. | W      | 02                   | 0,03         |
| 11.         | K      | 244                  | 3,3          |  | 25. | X      | 86                   | 1,16         |
| 12.         | L      | 608                  | 8,23         |  | 26. | Y      | 39                   | 0,53         |
| 13.         | M      | 390                  | 5,28         |  | 27. | Z      | 12                   | 0,16         |
| 14.         | N      | 346                  | 4,68         |  |     |        |                      |              |
| <b>Tổng</b> |        |                      |              |  |     |        | <b>7.389</b>         | <b>100</b>   |

Các từ được lựa chọn thuộc 4 loại mục từ: khái niệm, thuật ngữ; địa danh; tổ chức, văn kiện. Các mục từ về khái niệm, thuật ngữ, sự vật hiện tượng có 7.287 mục từ, mục từ về địa danh có 29 mục từ, mục từ về tổ chức có 26 mục từ, mục từ về lịch sử phát triển ngành có 8 mục từ, mục từ về văn kiện có 39 mục từ.

### 2.3. Cấu trúc nội dung mục từ

- Cấu trúc chung của một mục từ gồm: từ (thuật ngữ), tên Latin, tên tiếng Anh, các tên khác của từ, nội dung định nghĩa, giải thích, mô tả, bản chất, ví dụ, ứng dụng và các thông tin bổ sung khác.

Đầu mục viết thường, in đậm; chữ cái đầu viết hoa. Ví dụ: **Đặc trưng và tiêu chí kinh tế trang trại Việt Nam**. Một số mục từ dạng phân tử, các tổ chức thế giới, ... được viết in hoa, đậm. Ví dụ: **ARN, ATP, ARSAP, APEC**.

Sau tên đầu mục từ có ghi tên gọi khác, tên tiếng Anh, tên khoa học, công thức phân tử (nếu có). Ví dụ: **Dứa ta** (Tên khác: Dứa nếp, dứa mật), **Actisô** (*Cynara scolymus L.*), **Bản đồ sử dụng đất** (Anh: Land Use Map - LUM), **Axit photphoric** (H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>).

Nội dung mục từ xuống dòng: bao gồm các thông tin liên quan đến đầu mục từ như định nghĩa mục từ, giải thích bổ sung, ví dụ minh họa và hình ảnh, sơ đồ nếu có và tham chiếu đến các mục từ có liên quan khác, có mục từ chỉ giải thích tên đầu mục từ, tham chiếu mục từ khác. Ví dụ các mục từ: **Ascomixet, Bào tử chồi, Bào noãn, ANSI**.

Khi nhắc lại tên đầu mục từ trong nội dung mục từ được viết tắt với các chữ cái đầu theo tiếng Việt. Các mục từ dạng phân tử hoặc các tổ chức trên thế giới trong nội dung nhắc lại tên mục từ viết đầy đủ. Ví dụ như mục từ: **ATT, AND, ARN, ...** Đối với những mục từ có tên đầu mục từ chỉ có một chữ, trong nội dung khi nhắc tên đầu mục từ thì viết chữ cái đầu và có dấu chấm, ví dụ mục từ: **Bại, Đồng, Lạc, ...**

- Chính tả được viết theo *Từ điển chính tả* do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành. Tùy thuộc theo yêu cầu của thuật ngữ chuyên môn nên sẽ có một số thay đổi. Thuật ngữ dùng theo ngành nông nghiệp. Một số dạng từ lược bỏ như: cây, con, sâu, bệnh, ví dụ: cây lúa, cây ngô lược bỏ thành lúa, ngô; con trâu, con lừa, lược bỏ thành trâu, lừa; bệnh đạo ôn lược bỏ thành đạo ôn.

Tùy vào từng loại mục từ nội dung thay đổi. Cụ thể như sau:

**Mục từ lịch sử phát triển ngành** được biên soạn nội dung như sau: tên ngành, quá trình hình thành và phát triển, thành tựu và kết quả đạt được, ví dụ mục từ:

**“Lịch sử phát triển ngành trồng trọt Việt Nam**

Ngành trồng trọt ở Việt Nam được bắt đầu từ cách ngày nay 1 vạn năm. Người Việt cổ đã biết trồng lúa, rau đậu, biết đốt rẫy, làm nương, chọc lỗ bở hạt, lợi dụng thời tiết, trồng cây lương thực để lấy cái ăn, trồng bông, đay, gai để lấy cái mặc.

Thời các Vua Hùng dựng nước, các bộ lạc người Việt sống dọc theo các con sông, cày bừa, trồng lúa và một số hoa màu trồng cạn. Trên các loại đất phù sa phì nhiêu người Việt đã biết mở rộng diện tích trồng lúa nước và gieo lúa rẫy trên đất cao.

Trong hơn 1.000 năm Bắc thuộc (từ thế kỷ I trước Công nguyên đến thế kỷ X sau Công nguyên, các dân tộc Việt Nam sống dưới sự đô hộ hà khắc của phong kiến phương Bắc, nhưng nông nghiệp Việt Nam vẫn phát triển. Nghề trồng lúa vẫn giữ vai trò chủ đạo, nhưng bên cạnh đó đã phát triển trồng dâu nuôi tằm, trồng bông đay, gai để có cái mặc. Người Giao Chi đã trồng mía và làm đường, trồng cây ăn quả như: Nhãn, vải, chuối, quýt, mơ. Quá trình giao lưu với Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á đã mang đến cho Việt Nam một số cây trồng và giống cây trồng mới. Nông dân đã biết dùng cày, bừa sắt, đắp bờ ruộng, làm ruộng bậc thang ở đất dốc, đắp đê sông, đê biển. Nghề trồng trọt đã bắt đầu biết dùng phân bón ruộng, biết dùng kiến vàng để trừ sâu cho cây ăn quả trong vườn.

Vào thời kỳ đất nước tự chủ (939 - 1884 sau Công nguyên) nông dân là cơ sở kinh tế của Việt Nam. Diện tích đất nông nghiệp được mở rộng, đến cuối thế kỷ 18, diện tích canh tác trong cả nước đạt trên 2 triệu ha. Các loại cây lương thực như: Lúa, ngô, khoai, sắn, củ dong, khoai môn, khoai nước,... phát triển phong phú. Các loại cây thực phẩm, rau đậu, các loại cây ăn quả được mở rộng diện tích. Nhiều loại cây làm thuốc như: Quế, gừng, đậu khấu, ý dĩ, bạc hà... được đưa vào trồng trọt ở nhiều nơi. Các loại hương liệu như: Hương bài, trầm hương... được khai thác. Nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, dệt lụa, trồng bông, đay, kéo sợi được phát triển lên bước mới. Nhiều chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp của các triều đại vua, chúa Việt Nam được áp dụng làm cho nông nghiệp mở mang, đảm bảo được lương thực, thực phẩm cho nhân dân, đảm bảo hậu cần vững chắc cho các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc.

Thời Pháp thuộc (1884 - 1945), thực dân Pháp thực hiện chính sách khai thác thuộc địa, phục vụ cho các nhu cầu của chính quốc, một số loài cây phục vụ cho nhu cầu nhân dân bản địa như lúa, ngô... bị thu hẹp diện tích, trong khi một số loại cây phục vụ cho người Pháp như: Cà phê, cao su, đay, chè... được phát triển nhanh chóng. Cùng với sự tiếp xúc với nền công nghiệp phát triển của Pháp và một số nước tư bản phương Tây, nghề trồng trọt của Việt Nam có thêm bước phát triển mới. Một số loài cây trồng mới (cao su, khoai tây, cà chua...) được nhập về trồng trong nước. Một số giống cây tốt được nhập về thay thế giống địa phương, nông dân ta biết dùng phân hóa học, biết dùng một số thuốc hóa học bảo vệ thực vật, biết sử dụng một số máy nông nghiệp.

Từ cách mạng tháng 8 (1945) thành công đến nay, ngành trồng trọt Việt Nam đã có bước phát triển nhanh chóng và toàn diện. An ninh lương thực cho đất nước được đảm bảo qua các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống đế quốc Mỹ, hậu cần cho quân đội và cho toàn dân đầy đủ. Gần đây, Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng thứ 2 trên thế giới. Cây công nghiệp phát triển nhanh, xuất khẩu hạt điều, cà phê, hồ tiêu, chè, cao su có vị trí cao trong những nước xuất khẩu. Các loại cây ăn quả, rau phát triển với tốc độ nhanh. Việt Nam đã xuất khẩu nhiều loại quả như: Vải, bưởi, thanh long, sầu riêng... một khối lượng rau đáng kể cũng đã được xuất khẩu. Trình độ thâm canh của trồng trọt được nâng lên. Trồng trọt Việt Nam đang có những bước phát triển theo hướng sản xuất sạch, trồng trọt xanh, trồng trọt công nghệ cao, trồng trọt tri thức [1, tr.754]”.

**Mục từ địa danh được biên soạn** nội dung như sau: tên địa danh, di tích, thời gian thành lập, vị trí, cấp quản lý, công dụng, bằng công nhận, ví dụ mục từ:

### “Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng

Khu bảo tồn thiên nhiên với hệ thống rừng nguyên sinh nhiệt đới rộng 85,754 ha nằm ở Tây bắc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Bao gồm hệ thống các hang động, như hang Phong Nha, Tiên Sơn, Hang Tối, Hang Vòm, Hang Én thuộc vùng núi đá vôi Kẻ Bàng, ...

VQGPN - KB được linh mục người Pháp Lêôpôn Cadié (Leopold Cadière) phát hiện từ cuối thế kỷ XIX. Ông đã khảo cứu, đi bằng thuyền độc mộc vào lòng hang sâu 600m và phát hiện ra những chữ Chăm khắc trên vách hang (vì vậy, còn được gọi là động Bi Ki - động khắc chữ). Đến đầu năm 1990, Phong Nha - Kẻ Bàng mới được đánh giá đầy đủ qua bốn đợt thám hiểm của Hội Địa lý hang động Hoàng Gia Anh (BCRA) cùng với các nhà địa lý của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Đến năm 1997, các nhà thám hiểm đã nghiên cứu được 31 hang và cho biết tổng chiều dài hang trong vùng là gần 100km. VQGPN - KB có gần 800 loài thực vật thuộc 303 chi, trong đó có 18 loài quý hiếm được đưa vào sách đỏ Việt Nam và thế giới; có cây chò nghìn tuổi, cây gừa đường kính 4,5m, cao 70m; có mức độ đa dạng sinh học cao nhất trong số các khu bảo tồn của Việt Nam. Tháng 7/2023, VQGPN - KB được UNESCO quyết định công nhận là di sản thiên nhiên thế giới [1, tr.1317]”.

**Mục từ tổ chức được biên soạn** nội dung như sau: tên tổ chức, thời gian thành lập, chức năng, nhiệm vụ, thành tích, ví dụ mục từ:

### “FAO

Tên viết tắt của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp Quốc (Food and Agriculture Organization of the United Nations - FAO) được thành lập ngày 16 tháng 10 năm 1945 tại Canada như một cơ quan chuyên môn của Liên Hiệp Quốc (UN). Năm 1951, trụ sở chính tại Washington D. C (Mỹ) được chuyển về ROM (Ý). Mục tiêu cơ bản của FAO: 1/ Nâng cao mức sống cũng như mức dinh dưỡng của nhân dân các nước thành viên; 2/ Nâng cao hiệu quả của việc sản xuất lương thực và nông sản; 3/ Góp phần vào việc phát triển kinh tế thế giới và hạn chế, xóa bỏ khỏi nạn đói. Cùng với tổ chức Y tế thế giới (WHO), FAO tham gia quản lý Ủy ban Codex Alimentarius với mục đích tăng cường sự cân bằng của yêu cầu về thực phẩm và do đó làm cho thương mại quốc tế phát triển hơn. Đến ngày 8 tháng 8 năm 2008, Fao có tổng 193 nước thành viên; Việt Nam trở thành thành viên của FAO từ năm 1978 [1, tr.543]”.

**Mục từ thuốc bảo vệ thực vật** được biên soạn nội dung: tên loại thuốc, giải thích khái niệm, nhóm độc, công dụng, tên các loại được đăng ký ở Việt Nam, ví dụ mục từ:

### “Acephate

Nhóm thuốc trừ sâu lân hữu cơ. Nhóm độc III

A. là thuốc nội hấp, có tác động nội hấp và vị độc. Kìm hãm các hoạt động của men cholinesteraza trong cơ thể côn trùng

A. được dùng để trừ các loài sâu miệng nhai, miệng chích hút, nhện hại cây và một số loài sâu hại khác trên nhiều loại cây trồng. Thuốc an toàn cho cây, nhưng có thể gây cháy nhẹ rìa lá.

Tên các loại thuốc đã được đăng ký ở Việt Nam: Anitox, Asataf, Lancer, ... [1, tr.3]”.

**Mục từ các loại cây trồng:** tên cây trồng, đặc điểm, phân bố, công dụng, ví dụ mục từ:

### “Lúa Đông Xuân

Vụ lúa mùa khô hiện nay đang được thực hiện trên địa bàn các tỉnh Việt Nam từ Bắc chí Nam.

Do cơ sở hạ tầng thủy lợi được xây dựng ngày càng nhiều, do tiến bộ khoa học - công nghệ cho phép tạo ra nhiều giống lúa mới, phù hợp, nên vụ LĐX trở thành vụ lúa sản xuất chính những năm gần đây. Thời vụ gieo cấy, giống lúa, thời vụ thu hoạch có những thay đổi tùy thuộc vào tình hình và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Ngoài một ít diện tích còn bắt buộc phải cấy lúa chiêm ở một số tỉnh phía Bắc, các giống lúa gieo cấy trong vụ LĐX thường là các giống lúa mới, thấp cây, ngắn ngày, cho năng suất cao. Hiện

nay, LĐX là vụ lúa cho năng suất cao nhất và ổn định nhất so với các vụ lúa khác trong năm. Điều này là sự đổi khác so với thời gian trước đây. Khi vụ lúa mùa (lúa mùa mưa) là vụ sản xuất lúa chính và có năng suất cao. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có năng suất LĐX cao và ổn định so với các vùng gieo cấy LĐX khác trong cả nước [1, tr.789]”.

- Trong tổng số các mục từ có 32 mục từ trùng tên nhưng nội dung khác nhau, cụ thể các mục từ như: **Bạc má; Bàu; Biện pháp thủ công; Bò rừng; Bông bạc; Bơ; Chai, Chân bụng, Cóc, Com lam, Com nếp, Đa đa, Đậu đũa, Đom đóm, Gai, Gạo, Gen, Gỉ sắt, Hoa Cúc, Hồng Mai, Lạc, Lai, Long nảo, Mai, Ong kén trắng, Phay, Riu, Sóc, Sữa, Thỏ rừng, Vừng, Yến.** Trong đó có mục từ trùng tên 3 lần, ví dụ mục từ:

**“Mai (động vật)**

1. Vỏ cứng dạng khiên ở một số động vật chân đốt, có tác dụng bảo vệ, che chở mặt lưng và mặt bên của phần đầu và ngực

2. Ở các loài bò sát thuộc họ rùa, M. gồm nhiều tấm xương, phí ngoài được phủ một lớp sừng. Các đốt sống ngực và xương sườn gắn chặt với M. Các đai, tách biệt và nằm ở phía trong. Phần bụng phẳng của vỏ là tấm yếm. M. rùa được dùng để làm hàng mỹ nghệ...

M. còn được dùng để chỉ bộ xương của họ Mực (sepiidae) và gọi là M. Mực. Đó là một phần bầu dục dạng thấu kính lồi, màu ngà trắng, xốp, thành phần chủ yếu là canxi clorua, canxi phốt phát và chất keo.

**Mai (nông cụ)**

Công cụ cầm tay dùng để đào đất

M. có 2 loại: M. cổ truyền có lưỡi bằng thép đóng vào tông (thủ) và cán bằng gỗ dài vừa tầm người đứng. M. tông là M. cổ truyền được cải tiến có lưỡi và tông được chế tạo liền nhau bằng thép. Lắp vào cán làm bằng gỗ hoặc bằng tre.

M. có đặc điểm là lưỡi nhỏ, đào được cả đất rắn và đất mềm, lại có cán dài, đào ngầm ở đất mặt nước, tông có chỗ đặt chân để ấn lưỡi M. xuống. Ở miền Nam Việt Nam nông dân thường dùng leng thay cho M. Leng là công cụ bằng tôn hình gàu sòng nhỏ có cán dài, dùng để đào và xúc đất bùn hất đi xa. Ở một số địa phương, trong việc đào đất mềm, nông dân dùng “kéo cắt đất” thay cho M. kéo cắt đất gồm một khung bằng 2 thanh tre để buộc căng dây thép nhỏ, có tay cầm để ấn xuống cắt đất.

**Mai (Sinocalamus latiflorus (Munro) MC. Clure)**

Họ Hòa thảo (Poaceae)

Thân ngắn, đơn trục, thân tre, mọc cụm. Thân tre cao 10 - 20m, có khi tới 25m, nhọn vót nhỏ, cong rủ xuống, đường kính 10 - 20cm. Gióng dài 40 - 45cm (dài nhất có thể tới 60cm). Khi non có phần trắng, khi già nhẵn bóng, vách thân dày 1,5 - 2,5cm, vách ngang giữa các gióng mỏng. Mo nang lớn, đầu bẹ mo rộng, tròn hơi lệch, mặt ngoài có lông mịn, màu nâu nhạt, dễ rụng. Tai mo nhỏ, thìa lia xẻ răng rất rõ. Lá mo nhỏ, hình trứng ngọn giáo, đầu nhọn, lật ra phía ngoài, mặt trong có lông thô. Mỗi cành có 7 - 10 lá, phiến hình ngọn giáo dài và rộng, kích thước khá thay đổi, dài 15 - 25cm (30cm), rộng 2,5 - 2,7cm, đầu có mũi nhọn dài, gốc lá tròn, gân bên 6 - 9 đôi, mặt dưới hơi có lông ở phía dưới. Cuống lá ngắn, mép lá có răng cưa. Cụm hoa chùy, bông lá chết màu đồng cổ hay tím dính ở các đốt, dài 2 - 2,5cm, rộng 0,8 - 1,5cm. Mỗi bông chết 6 8 hoa, hoa ở đỉnh và ở góc không phát dục. Mây lớn hình trứng rộng, mép có lông. Mây nhỏ ngoài màu nõn chuối, mép màu tím và có lông. Mây nhỏ trong ngắn hơn mây nhỏ ngoài, đầu màu tím nhạt, có 2 gò, trên gò có lông, đầu xẻ 2. Nhị đực 6, có mũi nhọn dài, đầu có lông. Bầu hình trứng, có lông, vòi dài, có lông, đầu nhụy 1 hay xẻ 2. Mùa mẫn vào hè thu.

Thế giới có ở Campuchia, Trung Quốc, Myanmar, Philippin. Việt Nam cây được trồng phổ biến ở các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ.

Đây là loài tre lớn, vách thân dày, cứng nên được dùng nhiều trong xây dựng nhà cửa, đan lát, đồ dùng gia đình, máng và ống dẫn nước. Mẫn ăn rất ngon [1, tr.820]”.

### 3. Một số nhận xét về *Từ điển Bách khoa Nông nghiệp Việt Nam*

Công trình TĐBKNNVN xuất bản năm 2011, là sự kế thừa của *Từ điển bách khoa nông nghiệp* xuất bản năm 1991 của Trung tâm quốc gia biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. Cuốn từ điển cung cấp 7.389 mục từ, trong đó có 7.287 mục từ khái niệm, thuật ngữ; 29 mục từ về địa danh; 26 mục từ về tổ chức; 8 mục từ về lịch sử phát triển ngành; 39 mục từ về văn kiện. Có thể nói đây là cuốn sách tham khảo có giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp với số lượng mục từ nhiều gần gấp 3 lần với bản năm 1991, được biên soạn một cách công phu và khoa học. Các tác giả đã lựa chọn những khái niệm, thuật ngữ, các sự vật hiện tượng cơ bản và thông dụng nhất của các lĩnh vực: trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản, bảo vệ thực vật, cơ giới hóa nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp và chính sách phát triển nông thôn. Các mục từ về tổ chức nông nghiệp của khu vực và thế giới, Vườn quốc gia, các mục từ về các trường giảng dạy nông nghiệp, sự kiện văn hóa, pháp lệnh,... cũng được các tác giả đưa vào. Toàn bộ hệ thống các mục được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái a, b, c. Điều này giúp cho việc tra cứu các mục từ đơn giản hơn.

Bên cạnh những giá trị to lớn mà cuốn TĐBKNNVN có được, vẫn còn một số hạn chế như sau:

*Một là* sự chênh lệch rất lớn giữa các mục từ được lựa chọn thuộc 4 loại mục từ nêu trên: Mục từ về khái niệm, thuật ngữ, sự vật, hiện tượng chiếm tỉ lệ rất lớn trong tổng số mục từ của quyển (98,6%). Mục từ về tổ chức, mục từ lịch sử phát triển ngành chiếm tỉ lệ rất nhỏ và không có các mục từ về nhân vật, tác phẩm, tác giả.

*Hai là* thiếu các mục từ quan trọng, như: Mục từ về nhân vật có công hiến trong ngành nông nghiệp: Đào Thế Tuấn, Lương Định Của, Nguyễn Công Trứ, Bùi Huy Đáp,... Mục từ về các cơ quan, các viện nghiên cứu lĩnh vực nông nghiệp: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Viện Thú y, Trường Đại học Thủy lợi, Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long,... Mục từ về lịch sử phát triển ngành: lịch sử phát triển thủy lợi Việt Nam, lịch sử phát triển hệ thống thú y Việt Nam, ...

*Ba là* một số mục từ chỉ giải thích tên đầu mục từ, ví dụ mục từ: **Acrôspo, ANSI, APHIS, ...**

Tóm lại, dù còn có một số hạn chế nhưng với việc biên soạn một cách công phu, khoa học, cuốn TĐBKNNVN là tài liệu rất hữu ích cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu về lĩnh vực nông nghiệp hiện nay.

### 4. Kết luận

TĐBKNNVN được xây dựng góp phần tổng kết những kinh nghiệm đã tích lũy được, đồng thời gợi mở những vấn đề phục vụ cho việc xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, bền vững hướng tới nền kinh tế tri thức, là nguồn tài liệu tham khảo quý giá cho việc nghiên cứu, giảng dạy và ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp tại Việt Nam, ngành sản xuất có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, cũng như đối với sự phát triển của đất nước.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đường Hồng Dật. *Từ điển Bách khoa nông nghiệp Việt Nam*. NXB Nông nghiệp. 2011.
2. Học viện Nông nghiệp Việt Nam. *Lịch sử nông nghiệp Việt Nam*. Từ điển trực tuyến Bách khoa Nông nghiệp Việt Nam. 2011.
3. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa nông nghiệp*. Trung tâm quốc gia biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 1991.
4. Phạm Hùng Việt. *Lý luận, phương pháp luận Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam - Một số vấn đề cơ bản*. NXB Bách khoa. 2011.